

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 3594/KHPC-TTH

V/v: CBTT báo cáo tài chính soát xét 6
tháng đầu năm 2025

*Re: Disclosure of the Reviewed Interim
Financial Statements for the first half of
2025*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 8 năm 2025

Khanh Hoa, August 08th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

*To: - The State Securities Commission;
- Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Organization name: KHANH HOA POWER JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: KHP

- Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn – Phường Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa

Address: 11 Ly Thanh Ton Street – Nha Trang Ward – Khanh Hoa Province

- Điện thoại/Telephone: 02582.220220

Fax: 02583.823828

- E-mail: pckhanhhoa@cpc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa.

Reviewed Interim Financial Statements for the first half of 2025 of Khanh Hoa Power Joint Stock Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/8/2025 tại đường dẫn: <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan hệ cổ đông/Thông tin định kỳ.

This information was published on the Company's website on August 08th, 2025 at the following link: <https://pckhanhhoa.cpc.vn/> Quan he co dong/Thong tin dinh ky.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./. 

Nơi nhận: Recipients

- Như trên/*As above*;
- HĐQT, BKS Công ty/*BOD, BOS*;
- Ban TGĐ Công ty/*Executive Board*;
- Người PT QTCT/*Corporate Governance Officer*;
- Lưu: VT, TTH/ *File: Doc. Control, Gen. Affairs.*

Tài liệu đính kèm/Attachment:

- BCTC soát xét 6 tháng năm 2025/*Reviewed Interim Financial Statements for the first half of 2025.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE**

**TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director**




**Nguyễn Hải Đức
Mr. Nguyen Hai Duc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

9 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hoài Nam	Tổ trưởng
Ông Lê Anh Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Sinh	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Phước	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Hải Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025
Ông Trần Đăng Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đặng Thanh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Nguyễn Hải Đức, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hải Đức

Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Số: 334/2025/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

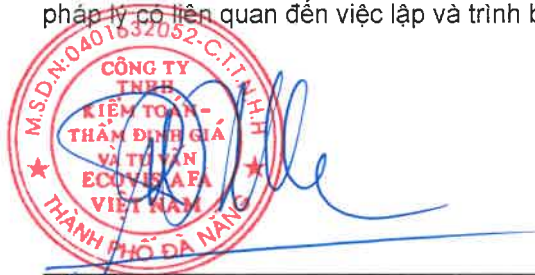
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kim Văn Việt

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.114.991.186.106	1.031.122.014.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	25.010.162.124	112.526.453.409
1. Tiền	111		25.010.162.124	12.526.453.409
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		320.000.000.000	370.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	320.000.000.000	370.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		716.533.749.356	458.640.434.787
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	667.047.585.203	429.396.234.753
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	40.776.341.493	25.566.684.138
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	13.192.777.460	8.229.317.129
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.482.954.800)	(4.552.103.290)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	302.057
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	29.764.877.649	41.793.740.034
1. Hàng tồn kho	141		29.764.877.649	41.793.740.034
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.682.396.977	48.161.386.766
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	5.188.028.806	2.960.920.571
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	27.448.394.844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	18.494.368.171	17.752.071.351
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.236.112.960.205	1.229.289.615.733
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		387.735.100	1.599.144.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	387.735.100	1.599.144.600
II. Tài sản cố định	220		1.080.227.567.546	1.103.809.360.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.076.611.293.217	1.102.587.858.972
Nguyên giá	222		3.991.771.131.893	3.905.502.760.748
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.915.159.838.676)	(2.802.914.901.776)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.616.274.329	1.221.501.483
Nguyên giá	228		33.977.612.091	30.689.585.042
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.361.337.762)	(29.468.083.559)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		60.509.557.777	25.671.785.440
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	60.509.557.777	25.671.785.440
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30.449.610.000	30.449.610.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.12	4.650.000.000	4.650.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.12	25.799.610.000	25.799.610.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		64.538.489.782	67.759.715.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	64.538.489.782	67.759.715.238
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.351.104.146.311	2.260.411.630.729

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B01a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.694.647.398.657	1.557.081.691.110
I. Nợ ngắn hạn	310		1.054.181.354.648	873.345.127.398
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	669.601.738.732	465.155.443.553
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	14.193.901.979	19.223.406.187
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	7.561.595.434	4.606.046.403
4. Phải trả người lao động	314	4.16	78.300.169.681	83.564.531.295
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	89.421.638.204	34.677.832.752
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	3.520.877.149	2.803.623.658
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	1.405.687.458	5.059.623.900
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	148.583.208.007	234.344.950.044
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.592.538.004	23.909.669.606
II. Nợ dài hạn	330		640.466.044.009	683.736.563.712
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	54.883.186.591	48.434.402.623
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	585.082.414.418	633.323.161.089
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		500.443.000	1.979.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		656.456.747.654	703.329.939.619
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	656.456.747.654	703.329.939.619
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.059.670.000	604.059.670.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(470.673.364)	(470.673.364)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.443.636.522	9.443.636.522
4. Cổ phiếu quỹ	415		(218.146.117)	(218.146.117)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.130.697.119	1.130.697.119
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.511.563.494	89.384.755.459
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		29.975.682.459	31.626.754.875
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.535.881.035	57.758.000.584
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.351.104.146.311	2.260.411.630.729

**Nguyễn Hải Đức**
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng**Trần Thị Phương Chi**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.636.528.415.445	3.456.406.650.744
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.636.528.415.445	3.456.406.650.744
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	3.531.502.895.374	3.306.009.131.046
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.025.520.071	150.397.519.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	10.220.048.908	10.513.174.314
7. Chi phí tài chính	22	5.4	27.476.976.543	32.581.094.598
Trong đó, chi phí lãi vay	23		26.489.174.678	30.969.478.081
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	32.839.060.957	36.650.810.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	39.073.249.569	48.121.150.624
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.856.281.910	43.557.638.192
11. Thu nhập khác	31	5.7	946.832.998	3.575.712.368
12. Chi phí khác	32	5.8	1.052.499.142	4.681.254.236
13. Lợi nhuận khác	40		(105.666.144)	(1.105.541.868)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.750.615.766	42.452.096.324
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	3.214.734.731	8.575.709.162
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.535.881.035	33.876.387.162
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.5	208	277
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.6	208	277



Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thái Tông, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B03a – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.750.615.766	42.452.096.324
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		116.589.076.879	110.887.922.338
Các khoản dự phòng	03		(69.148.490)	103.036.493
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		987.801.865	1.593.872.028
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.017.801.448)	(10.360.492.455)
Chi phí lãi vay	06		26.489.174.678	30.969.478.081
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		149.729.719.250	175.645.912.809
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(223.782.268.928)	(166.798.699.999)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.028.862.385	7.656.024.923
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		256.681.317.642	109.825.970.743
Tăng giảm chi phí trả trước	12		994.117.221	3.566.906.782
Tiền lãi vay đã trả	14		(26.720.946.989)	(31.173.851.025)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(8.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.693.048.000	2.103.840.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.685.436.602)	(11.478.712.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		155.938.411.979	81.347.391.344
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(134.666.293.474)	(64.417.873.271)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(150.000.000.000)	(110.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.000.000.000	230.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.389.445.283	18.032.544.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(78.276.848.191)	73.614.671.667
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	128.816.505.467	16.392.249.392
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(263.806.796.040)	(132.812.809.036)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(30.187.564.500)	(35.342.983.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(165.177.855.073)	(151.763.542.844)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(87.516.291.285)	3.198.520.167
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		112.526.453.409	29.409.241.198
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		25.010.162.124	32.607.761.365

Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởngTrần Thị Phương Chi
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Điện lực Khánh Hòa – Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/06/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000162 ngày 30/06/2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Khánh Hòa cấp. Từ đó đến nay, Công ty đã 15 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 31/12/2024 với mã số doanh nghiệp là 4200601069.

Theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa được chuyển về Tổng Công ty Điện lực Miền Trung kể từ ngày 01/04/2010.

Ngày 08/12/2006 UBCK Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết số 107/UBCKGPNY cho cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán KHP. Theo đó, ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán KHP là ngày 27/12/2006.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 604.059.670.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 918 người (31 tháng 12 năm 2024 là 921 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Điện lực và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng, quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thi công, lắp đặt và sửa chữa hệ thống năng lượng tái tạo;
- Thí nghiệm thiết bị điện đến cấp điện áp 110KV;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- Các hoạt động khác...

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có một công ty liên kết như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	31%	31%	31%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

6 tháng đầu năm 2025

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Khác	03 – 10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thay công tơ cháy hỏng định kỳ và chi phí công tơ phát triển mới;
- Các khoản chi phí trả trước khác (chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh điện năng chờ phân bổ và chi phí thuê đất).

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các chi phí phải trả bao gồm chi phí trích trước mua điện mặt trời mái nhà, chi phí kiểm định công tơ, chi phí cước viễn thông,...

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 05 năm kể từ khi trích lập quỹ, Công ty có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu dịch vụ bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện của kỳ sử dụng điện gần nhất trước ngày lập Báo cáo tài chính) và giá bán điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.20 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng), chi phí hội nghị khách hàng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công tơ phân bổ và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế theo quy định hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**3.26. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.27. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

3.28. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	187.369.520	186.177.855
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.936.816.322	12.340.275.554
Tiền đang chuyển	9.885.976.282	-
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000
Cộng	25.010.162.124	112.526.453.409

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (trên 3 tháng đến 12 tháng)	320.000.000.000	320.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000	370.000.000.000	370.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi nhánh Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	15.415.084.932	8.818.340.390
Công ty TNHH Đóng tàu HD Hyundai Việt Nam	5.971.252.328	5.016.204.979
Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Khánh Hòa	8.844.441.000	8.844.441.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	4.072.000.000	4.072.000.000
Các đối tượng khác	638.716.059.271	402.645.248.384
Cộng	667.047.585.203	429.396.234.753
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 8	107.321.383	139.221.172

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN Quốc tế 1	9.388.521.143	10.873.501.206
Các đối tượng khác	31.387.820.350	14.693.182.932
Cộng	40.776.341.493	25.566.684.138
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan – xem thêm mục 8	4.879.907.849	3.287.287.145

4.5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.300.000	-	30.300.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.554.162	-	71.220.606	-
Lãi dự thu	10.382.547.946	-	6.754.191.781	-
Tạm ứng	1.218.500.000	-	17.000.000	-
Phải thu khác	1.510.875.352	-	1.356.604.742	-
Cộng	13.192.777.460	-	8.229.317.129	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 8	6.300.000	-	30.300.000	-

b. Dài hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn				
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	387.735.100	-	1.599.144.600	-
Cộng	387.735.100	-	1.599.144.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dự phòng phải thu khách hàng tiền điện	-	-
Dự phòng phải thu khách hàng khác	(4.482.954.800)	(4.552.103.290)
Cộng	(4.482.954.800)	(4.552.103.290)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.524.269.663	-	23.842.541.110	-
Công cụ, dụng cụ	3.240.490.893	-	2.888.497.947	-
Chi phí SX, KD dở dang	9.000.117.093	-	15.062.700.977	-
Cộng	29.764.877.649	-	41.793.740.034	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê đất	3.674.667.593	-
Chi phí mua dịch vụ phần mềm	1.334.767.280	2.632.700.535
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	178.593.933	328.220.036
Cộng	5.188.028.806	2.960.920.571
Dài hạn:		
Chi phí thay công tơ cháy hỏng thay thế định kỳ	30.194.674.409	35.395.576.338
Công tơ phát triển mới	7.518.931.935	6.777.133.568
Chi phí công cụ dụng cụ	18.699.704.267	17.419.784.524
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.125.179.171	8.167.220.808
Cộng	64.538.489.782	67.759.715.238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2025	262.595.737.170	1.317.432.491.952	2.180.023.581.395	136.119.769.930	9.331.180.301	3.905.502.760.748
Mua trong kỳ	-	4.671.829.000	-	82.909.091	-	4.754.738.091
Đầu tư xây dựng hoàn thành	14.060.839.448	31.378.877.727	39.764.985.903	43.821.460	-	85.248.524.538
Phân loại lại tài sản	-	767.588.328	(767.588.328)	-	-	-
Tăng khác	-	70.286.735	-	-	-	70.286.735
Giảm do thanh lý	-	(2.743.312.384)	-	-	-	(2.743.312.384)
Giảm khác	-	(218.483.167)	(805.182.668)	(38.200.000)	-	(1.061.865.335)
Tại ngày 30/06/2025	276.656.576.618	1.351.359.278.191	2.218.215.796.302	136.208.300.481	9.331.180.301	3.991.771.131.893
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2025	115.851.562.194	959.556.777.820	1.603.173.963.552	115.866.392.268	8.466.205.942	2.802.914.901.776
Khấu hao trong kỳ	6.076.876.520	43.750.032.218	61.280.037.444	4.407.541.536	181.334.958	115.695.822.676
Phân loại lại tài sản	-	644.727.039	(644.727.039)	-	-	-
Tăng khác	-	3.667	-	-	-	3.667
Giảm do thanh lý	-	(2.743.312.384)	-	-	-	(2.743.312.384)
Giảm khác	-	(144.407.864)	(524.969.195)	(38.200.000)	-	(707.577.059)
Tại ngày 30/06/2025	121.928.438.714	1.001.063.820.496	1.663.284.304.762	120.235.733.804	8.647.540.900	2.915.159.838.676
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2025	146.744.174.976	357.875.714.132	576.849.617.843	20.253.377.662	864.974.359	1.102.587.858.972
Tại ngày 30/06/2025	154.728.137.904	350.295.457.695	554.931.491.540	15.972.566.677	683.639.401	1.076.611.293.217

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.324.070.130.227 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	14.511.765.935	16.177.819.107	30.689.585.042
Tăng trong kỳ	-	3.288.027.049	3.288.027.049
Tại ngày 30/06/2025	14.511.765.935	19.465.846.156	33.977.612.091
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	13.638.614.107	15.829.469.452	29.468.083.559
Khấu hao trong kỳ	216.938.184	676.316.019	893.254.203
Tại ngày 30/06/2025	13.855.552.291	16.505.785.471	30.361.337.762
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	873.151.828	348.349.655	1.221.501.483
Tại ngày 30/06/2025	656.213.644	2.960.060.685	3.616.274.329

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.345.066.523 VND.

Không có TSCĐ vô hình được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
KHO.CTXD21CTH01 - Cải tạo Đường dây 110kV Nha Trang - Diên Khánh - Suối Dầu	17.000.367.033	10.128.189.972
KHO.CTXD24NTR05 - Xây dựng đường dây trung áp liên lạc dọc tuyến đường D30 KHPC năm 2023	-	6.795.227.699
KHO.CTXD24A01 - Đường dây 22kV liên lạc TBA 110kV Vạn Ninh 2 và TBA 110kV Ninh Thủy	7.562.057.022	-
KHO.CTXD25DKH01 - Xây dựng mới và nâng công suất trạm biến áp khu vực Diên Khánh - Khánh Vĩnh năm 2025	8.812.881.786	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	27.134.251.936	8.748.367.769
Cộng	60.509.557.777	25.671.785.440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4.650.000.000		-	4.650.000.000		-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	5.812.500.000	-	4.650.000.000	5.115.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.799.610.000		-	25.799.610.000		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	13.824.610.000	Không xác định	-	13.824.610.000	Không xác định	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	11.975.000.000	27.535.794.000	-	11.975.000.000	26.987.818.000	-
Cộng	30.449.610.000		-	30.449.610.000		-

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác trong năm:

	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</u>
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ

Giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX tại các ngày tương ứng là 30/06/2025 (20.100đ/CP) và 31/12/2024 (19.700đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.369.940 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 và tại ngày 01/01/2025 của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa được xác định theo giá đóng cửa trên sàn Upcom tại các ngày tương ứng là 30/06/2025 (12.500đ/CP) và 31/12/2024 (11.000đ/CP), số lượng cổ phiếu nắm giữ: 465.000 cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	613.726.160.769	613.726.160.769	431.234.681.527	431.234.681.527
Các đối tượng khác	55.875.577.963	55.875.577.963	33.920.762.026	33.920.762.026
Cộng	669.601.738.732	669.601.738.732	465.155.443.553	465.155.443.553
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	620.570.644.577	620.570.644.577	433.179.629.929	433.179.629.929

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	4.992.515.618	-	(1.780.474.864)	3.212.040.754	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.501.852.553	-	3.214.734.731	-	16.716.587.284	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.004.427.743	11.150.013.192	14.751.631.852	-	4.606.046.403
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.552.166.475	7.589.380.919	1.730.377	1.035.484.067	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.001.216	36.088.286	31.087.070	-	-
Cộng	18.494.368.171	7.561.595.434	20.209.742.264	17.996.490.053	17.752.071.351	4.606.046.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trung tâm phát triển Quỹ đất Khánh Hòa	1.612.305.526	1.612.305.526
Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Nha Trang	4.526.744.585	4.526.744.585
Trung tâm phát triển Quỹ đất Thị xã Ninh Hòa	2.369.188.134	5.132.552.971
Các đối tượng khác	5.685.663.734	7.951.803.105
Cộng	14.193.901.979	19.223.406.187
Trong đó: Người mua trả trước là bên liên quan - Xem thêm mục 8	162.753.723	162.753.723

4.16. Phải trả người lao động

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền lương, thưởng phải trả cán bộ, nhân viên	78.300.169.681	83.564.531.295
Cộng	78.300.169.681	83.564.531.295

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lãi vay dự trả	2.341.047.371	2.572.819.682
Chi phí phải trả khác	87.080.590.833	32.105.013.070
Cộng	89.421.638.204	34.677.832.752

4.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cho khách hàng thuê MBA	1.943.571.998	1.415.138.113
Cho khách hàng thuê văn phòng	360.169.680	296.425.680
Doanh thu nhận trước hoạt động khác	1.217.135.471	1.092.059.865
Cộng	3.520.877.149	2.803.623.658

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.19. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	2.351.482
Kinh phí công đoàn	237.626.880	446.248.678
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	-	3.837.165.120
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	721.923.957	481.650.000
Cổ tức phải trả	6.445.780	5.637.280
Các khoản phải trả khác	439.690.841	286.571.340
Cộng	1.405.687.458	5.059.623.900
Dài hạn		
Tiền ký cược sử dụng điện	53.867.740.991	47.153.957.023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	1.015.445.600	1.280.445.600
Cộng	54.883.186.591	48.434.402.623

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	100.000.000.000	187.000.000.000	87.000.000.000	87.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa</i>	-	-	<i>100.000.000.000</i>	<i>187.000.000.000</i>	<i>87.000.000.000</i>	<i>87.000.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	148.297.106.982	148.297.106.982	77.758.952.978	76.806.796.040	147.344.950.044	147.344.950.044
Nợ dài hạn đến hạn trả	286.101.025	286.101.025	286.101.025	-	-	-
Cộng	148.583.208.007	148.583.208.007	178.045.054.003	263.806.796.040	234.344.950.044	234.344.950.044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**b. Dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:	717.643.281.371	717.643.281.371	29.804.307.332	76.806.796.040	764.645.770.079	764.645.770.079
Tập đoàn điện lực Việt Nam	5.517.658.207	5.517.658.207	157.137.871	1.072.094.409	6.432.614.745	6.432.614.745
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	29.167.507.410	29.167.507.410	830.663.994	1.416.842.043	29.753.685.459	29.753.685.459
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa	132.912.381.712	132.912.381.712	23.639.709.441	16.450.660.000	125.723.332.271	125.723.332.271
Ngân hàng TMCP An Bình	6.638.765.000	6.638.765.000	-	2.084.770.000	8.723.535.000	8.723.535.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	220.661.181.743	220.661.181.743	3.367.312.026	21.102.000.000	238.395.869.717	238.395.869.717
Ngân hàng TMCP Quân Đội	5.407.903.559	5.407.903.559	-	1.377.505.588	6.785.409.147	6.785.409.147
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	176.246.566.000	176.246.566.000	-	19.902.064.000	196.148.630.000	196.148.630.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	9.042.860.000	9.042.860.000	-	3.037.428.000	12.080.288.000	12.080.288.000
Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	15.627.486.404	15.627.486.404	-	1.953.432.000	17.580.918.404	17.580.918.404
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	103.496.652.597	103.496.652.597	-	8.410.000.000	111.906.652.597	111.906.652.597
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	12.924.318.739	12.924.318.739	1.809.484.000	-	11.114.834.739	11.114.834.739
Nợ dài hạn khác	16.022.341.054	16.022.341.054	-	-	16.022.341.054	16.022.341.054
Sở tài chính Khánh Hòa	15.893.476.054	15.893.476.054	-	-	15.893.476.054	15.893.476.054
Các đối tượng khác	128.865.000	128.865.000	-	-	128.865.000	128.865.000
Cộng	733.665.622.425	733.665.622.425	29.804.307.332	76.806.796.040	780.668.111.133	780.668.111.133
Số phải trả trong vòng 12 tháng	148.583.208.007	148.583.208.007			147.344.950.044	147.344.950.044
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	148.297.106.982	148.297.106.982			147.344.950.044	147.344.950.044
Nợ dài hạn đến hạn trả	286.101.025	286.101.025			-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	585.082.414.418	585.082.414.418			633.323.161.089	633.323.161.089
Trong đó: Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	34.685.165.617	34.685.165.617			36.186.300.204	36.186.300.204

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn được chi tiết như sau:

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2026				Tại ngày 01/01/2026			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
I.	VAY DÀI HẠN												
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam					\$ 209.796,89	5.517.658.207	3.310.614.807	2.207.043.400	\$ 251.755,89	6.432.614.745	4.288.425.927	2.144.188.818
	Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới	USD	1,2%/năm	19 năm	06 tháng, từ ngày 15/06/2010	\$ 209.796,89	5.517.658.207	3.310.614.807	2.207.043.400	\$ 251.755,89	6.432.614.745	4.288.425.927	2.144.188.818
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung					\$ 1.109.030,70	29.167.507.410	26.250.756.932	2.916.750.478	\$ 1.164.482,23	29.753.685.459	26.920.001.373	2.833.684.086
	TBA 110KV Ninh Thủy và nhánh rẽ	USD	6,06%/năm	25 năm	06 tháng, từ ngày 05/02/2021	\$ 1.109.030,70	29.167.507.410	26.250.756.932	2.916.750.478	\$ 1.164.482,23	29.753.685.459	26.920.001.373	2.333.684.086
3	Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa					-	132.912.381.712	101.603.761.712	31.308.620.000	-	125.723.332.271	94.822.852.271	30.900.480.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, cải tạo các TBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,9%/năm đến 8,29%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 60 tháng đến 120 tháng (Tùy thuộc khoản vay)	01 tháng, từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2022 (tùy thuộc vào khoản vay)		132.912.381.712	101.603.761.712	31.308.620.000		125.723.332.271	94.822.852.271	30.900.480.000
4	Ngân hàng TMCP An Bình					-	6.638.765.000	2.471.025.000	4.167.740.000	-	8.723.535.000	4.553.995.000	4.169.540.000
	Sửa chữa điện nông Khánh Hòa - Hotline	VND	7,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 9/2016		873.000.000	-	873.000.000		1.310.400.000	435.600.000	874.800.000
	Vay tài trợ dự án Amorphuos	VND	7,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		1.225.000.000	525.000.000	700.000.000		1.575.000.000	875.000.000	700.000.000
	Dự án NCS E33 lắp MBA T2 T.110KV Nam Cam Ranh	VND	7,5%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 4/2017		4.540.765.000	1.946.025.000	2.594.740.000		5.838.135.000	3.243.395.000	2.594.740.000
5	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					-	220.661.181.743	178.457.181.743	42.204.000.000	-	238.395.869.717	198.163.869.717	40.232.000.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	Từ 7,18%/năm đến 7,5%/năm (tùy thuộc vào khoản vay)	Từ 120 tháng đến 240 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	03 tháng, từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2024 (tùy thuộc vào khoản vay)		220.661.181.743	178.457.181.743	42.204.000.000		238.395.869.717	198.163.869.717	40.232.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2025				Tại ngày 01/01/2025			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội					-	5.407.903.559	3.323.292.455	2.084.611.104	-	6.785.409.147	4.365.598.007	2.419.811.140
	Các khoản vay liên quan đến nâng cấp cải tạo hệ thống liên quan đến ngành điện	VND	7,475%/năm	Từ 60 tháng đến 120 tháng (tùy thuộc vào khoản vay)	01 tháng hoặc 03 tháng, từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2020 (tùy thuộc vào khoản vay)		5.407.903.559	3.323.292.455	2.084.611.104		6.785.409.147	4.365.598.007	2.419.811.140
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					-	176.246.566.000	139.639.944.000	36.606.622.000	-	196.148.630.000	158.305.104.000	37.843.526.000
	01.KHPC/HĐTD - Các công trình giám sát thất điện năng, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện 2018 (Agribank)	VND	7,425%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2019		23.710.000.000	17.675.000.000	6.035.000.000		26.590.000.000	20.830.000.000	5.760.000.000
	02.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 28 dự án năm 2018 chuyển tiếp - Agribank	VND	7,425%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		35.947.458.000	27.947.458.000	8.000.000.000		39.947.458.000	31.947.458.000	8.000.000.000
	03.2019.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư 11 dự án các công trình HTLĐ trung áp năm 2019 - Agribank	VND	7,175%/năm	126 tháng	03 tháng, từ tháng 7/2019		21.327.274.000	17.047.274.000	4.280.000.000		23.467.274.000	19.187.274.000	4.280.000.000
	04.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm xe gầu Honline và hệ thống dụng cụ bypass	VND	7,375%/năm	120 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		5.937.779.000	4.785.779.000	1.152.000.000		6.513.779.000	5.361.779.000	1.152.000.000
	05.2020.KHPC/HĐTD - Mua sắm thiết bị đo đếm, mua sắm thiết bị/ thuê thiết bị đo xa 2020	VND	7,375%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 12/2020		1.839.398.000	-	1.839.398.000		5.639.398.000	-	5.639.398.000
	06.2021.KHPC/HĐTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 11/2022		41.607.911.000	35.551.911.000	6.056.000.000		44.787.911.000	38.427.911.000	6.360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2025				Tại ngày 01/01/2025			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dãi hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dãi hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
	07.2021.KHPC/HBTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		16.920.820.000	14.320.820.000	2.600.000.000		18.220.820.000	15.620.820.000	2.600.000.000
	08.2021.KHPC/HBTD - Vay đầu tư các dự án ĐTXD và SXKD năm 2021 - Agribank	VND	7,175%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2022		896.769.000	300.769.000	596.000.000		1.194.769.000	598.769.000	596.000.000
	09.2023.KHPC/HBTD - Các dự án ĐTXD thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		18.176.796.000	14.321.112.000	3.855.684.000		19.278.420.000	17.075.172.000	2.203.248.000
	10.2023.KHPC/HBTD - Dự án ĐTXD 22NTR02 thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	7,175%/năm	117 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		2.791.070.000	2.180.530.000	610.540.000		2.965.510.000	2.616.630.000	348.880.000
	11.2023.KHPC/HBTD - Mua các TSCĐ thuộc gói tín dụng 2/2023 (Agribank)	VND	7,175%/năm	120 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		6.869.539.000	5.413.539.000	1.456.000.000		7.285.539.000	6.453.539.000	832.000.000
	12.2023.KHPC/HBTD - Mua TSCĐ thuộc gói tín dụng 2/2023 (camera nhiệt, máy photocopy) - vay Agribank	VND	7,175%/năm	60 tháng	3 tháng, từ tháng 12/2024		221.752.000	95.752.000	126.000.000		257.752.000	185.752.000	72.000.000
8	Ngân hàng TMCP Á Châu					-	9.042.860.000	2.968.004.000	6.074.856.000	-	12.080.288.000	6.005.432.000	6.074.856.000
	Vay mua Công tơ điện 2021	VND	7,175%/năm	60 tháng	03 tháng, từ tháng 11/2022		9.042.860.000	2.968.004.000	6.074.856.000		12.080.288.000	6.005.432.000	6.074.856.000
9	Công ty tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFC)					-	15.627.486.404	11.720.622.404	3.906.864.000	-	17.580.918.404	13.674.054.404	3.906.864.000
	Các khoản vay liên quan đến xây dựng mới các TBA, lắp đặt thiết bị điện, thay thế MBA và hoàn thiện các công trình liên quan đến ngành điện	VND	7,48%/năm	120 tháng	03 tháng từ tháng 3/2020 đến tháng 12/2020		15.627.486.404	11.720.622.404	3.906.864.000		17.580.918.404	13.674.054.404	3.906.864.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

STT	Khoản vay	Nguyên tệ	Lãi suất	Thời hạn vay	Thời hạn trả nợ gốc	Tại ngày 30/06/2025				Tại ngày 01/01/2025			
						Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả	Nguyên tệ	VND/ VND Quy đổi	Dài hạn	Vay/Nợ dài hạn đến hạn trả
10	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang						103.496.652.597	86.676.652.597	16.820.000.000		111.908.652.597	95.086.652.597	16.820.000.000
	Các dự án đầu tư xây dựng và cải tạo lưới điện thuộc kế hoạch ĐTXD 2022	VND	6,98%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2023		95.457.878.597	81.837.878.597	13.620.000.000		102.267.878.597	88.647.878.597	13.620.000.000
	Vay mua Công tơ điện 2022	VND	6,98%/năm	60 tháng	06 tháng, từ tháng 08/2023		8.038.774.000	4.838.774.000	3.200.000.000		9.638.774.000	6.438.774.000	3.200.000.000
11	Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam - CN Đà Nẵng						12.924.318.739	12.924.318.739	-		11.114.834.739	11.114.834.739	-
	130-005-311-504 - Vay mua sắm TSCĐ và ĐTXD 2024 Shinhan bank	VND	6,98%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 09/2026		11.850.318.739	11.850.318.739	-		11.114.834.739	11.114.834.739	-
	30-005-715-330 - Vay tài trợ dự án ĐTXD 2025 gói 1 Shinhan bank	VND	6,63%/năm	120 tháng	06 tháng, từ tháng 06/2026		1.074.000.000	1.074.000.000	-		-	-	-
II.	NỢ DÀI HẠN												
1	Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	VND	0%/năm	120 tháng	12 tháng		15.893.476.054	15.607.375.029	286.101.025		15.893.476.054	15.893.476.054	-
2	Các đối tượng khác	VND	0%/năm				128.865.000	128.865.000	-		128.865.000	128.865.000	-
	TỔNG CỘNG					\$ 1.318.827,59	733.665.622.425	585.082.414.418	148.583.208.007	\$ 1.416.238,12	780.668.111.133	633.323.161.089	147.344.950.044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.21. Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2024	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(11.173.978.888)	1.130.697.119	96.887.867.846	699.877.219.235
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	33.876.387.162	33.876.387.162
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	-	-	-	-	-	(18.961.700.000)	(18.961.700.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(35.343.580.200)	(35.343.580.200)
Số dư tại ngày 30/06/2024	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(11.173.978.888)	1.130.697.119	76.458.974.808	679.448.326.197
Chia cổ phiếu quỹ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023	-	-	-	10.955.832.771	-	(10.955.832.771)	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	23.881.613.422	23.881.613.422
Số dư tại ngày 01/01/2025	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	89.384.755.459	703.329.939.619
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	12.535.881.035	12.535.881.035
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 (i)	-	-	-	-	-	(29.220.700.000)	(29.220.700.000)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(30.188.373.000)	(30.188.373.000)
Tại ngày 30/06/2025	604.059.670.000	(470.673.364)	9.443.636.522	(218.146.117)	1.130.697.119	42.511.563.494	656.456.747.654

- (i) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5%/VĐL chi trả bằng tiền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	604.059.670.000	604.059.670.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	604.059.670.000	604.059.670.000

4.21.3. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	322.808.680.000	322.808.680.000
Các cổ đông khác	280.958.780.000	280.958.780.000
Cổ phiếu quỹ	292.210.000	292.210.000
Cộng	604.059.670.000	604.059.670.000

4.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.405.967	60.405.967
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu phổ thông	60.405.967	60.405.967
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	29.221	29.221
- Cổ phiếu phổ thông	29.221	29.221
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.376.746	60.376.746
- Cổ phiếu phổ thông	60.376.746	60.376.746
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	12.535.881.035	33.876.387.162
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(17.138.608.268)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.535.881.035	16.737.778.894
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.376.746	60.376.746
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	208	277

4.21.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	12.535.881.035	33.876.387.162
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(17.138.608.268)
Lãi phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.535.881.035	16.737.778.894
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.376.746	60.376.746
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	60.376.746	60.376.746
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	208	277

(*) Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch cụ thể trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của kỳ này có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2024 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế. Theo đó, lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày lại là 277 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo kỳ trước là 575 VND/cổ phiếu).

4.21.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5%/VĐL chi trả bằng tiền, tương ứng 30.188.373.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.21.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	1.130.697.119
Trích trong kỳ	-
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2025	1.130.697.119

4.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.333.745.406	9.335.034.181
Cộng	9.333.745.406	9.335.034.181

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán điện	3.567.767.461.749	3.384.741.299.452
Doanh thu hoạt động cho thuê cột điện	28.092.654.483	28.691.680.325
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	28.713.605.984	24.011.881.495
- Xây lắp điện	15.185.957.122	8.850.493.547
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	585.482.099	1.162.308.333
- Lắp dây, đặt điện	4.802.306.781	4.399.993.913
- Sửa chữa, thí nghiệm điện, kiểm định	8.139.859.982	9.599.085.702
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.778.636.715	8.579.888.609
Doanh thu nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	6.176.056.514	10.381.900.863
Cộng	3.636.528.415.445	3.456.406.650.744
Trong đó: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.510.538.358	992.498.098

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn bán điện	3.492.112.042.728	3.266.678.294.402
Giá vốn hoạt động cho thuê cột điện	14.075.577.474	14.397.084.842
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	21.382.718.253	16.973.433.986
- Xây lắp điện	11.955.873.956	7.084.218.697
- Khảo sát, thiết kế công trình điện	364.070.383	779.719.484
- Mắc dây, đặt điện	3.612.503.859	3.359.829.911
- Sửa chữa, thí nghiệm điện, kiểm định	5.450.270.055	5.749.665.894
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.082.742.374	1.555.341.607
Giá vốn nhượng bán vật tư, hàng hóa, phế liệu	2.849.814.545	6.404.976.209
Cộng	3.531.502.895.374	3.306.009.131.046

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.413.301.448	9.945.754.155
Cổ tức lợi nhuận được chia	604.500.000	414.738.300
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.046.246	7.174.989
Doanh thu hoạt động tài chính khác	172.201.214	145.506.870
Cộng	10.220.048.908	10.513.174.314

5.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lãi vay	26.489.174.678	30.969.478.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	17.744.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	987.801.865	1.593.872.028
Cộng	27.476.976.543	32.581.094.598

5.5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng công cụ	9.638.859.705	13.341.415.849
Chi phí nhân viên bán hàng	17.122.147.416	16.904.013.954
Chi phí khấu hao tài sản	26.496.300	62.712.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.976.038.152	4.919.389.230
Chi phí bằng tiền khác	1.075.519.384	1.423.278.911
Cộng	32.839.060.957	36.650.810.598

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	631.251.001	2.042.602.654
Chi phí nhân viên quản lý	19.880.624.943	28.212.072.155
Chi phí khấu hao tài sản	5.916.108.219	5.475.892.096
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(69.148.490)	103.036.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.642.337.825	3.914.474.218
Chi phí bằng tiền khác	8.072.076.071	8.373.073.008
Cộng	39.073.249.569	48.121.150.624

5.7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	34.289.735	144.796.290
Các khoản thu nhập khác	912.543.263	3.430.916.078
Cộng	946.832.998	3.575.712.368

5.8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền chậm nộp thuế	36.288	-
Các khoản chi phí khác	1.052.462.854	4.681.254.236
Cộng	1.052.499.142	4.681.254.236

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.504.358.048	67.088.067.912
Chi phí nhân công	159.043.978.828	177.686.787.849
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.855.919.795	110.410.656.588
Dự phòng/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi	(69.148.490)	103.036.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.261.858.272.198	3.012.220.691.040
Chi phí khác bằng tiền	24.159.241.637	27.631.164.236
Cộng	3.597.352.622.016	3.395.140.404.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.750.615.766	42.452.096.324
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	323.057.891	426.449.484
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	927.557.891	841.187.784
- Chi phí không được trừ	927.557.891	841.187.784
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(604.500.000)	(414.738.300)
- Cổ tức được nhận	(604.500.000)	(414.738.300)
Tổng thu nhập tính thuế	16.073.673.657	42.878.545.808
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.214.734.731	8.575.709.162

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	128.816.505.467	16.392.249.392
Cộng	128.816.505.467	16.392.249.392

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	263.806.796.040	132.812.809.036
Cộng	263.806.796.040	132.812.809.036

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là bán điện trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa thuộc lãnh thổ duy nhất là Việt Nam. Doanh thu từ bán điện chiếm 98,1% tổng doanh thu trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB) (*)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU) (*)	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung	Chung 1 thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên Ban Quản lý
Các bên liên quan khác trong nội bộ tập đoàn và bên liên quan khác theo quy định hiện hành	Bên liên quan khác

(*) Sáp nhập Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung (CPCCREB) vào Ban QLDA Lưới điện miền Trung (CPCNPMU) kể từ 00h00 ngày 01/03/2025 (Theo quyết định số 112/QĐ-HĐTV do Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) ban hành ngày 14/02/2025).

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	78.489.123	106.930.081
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện miền Trung	28.832.260	32.291.091
Cộng - Xem thêm mục 4.3	107.321.383	139.221.172
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.038.184.530	2.445.563.826
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB)	-	87.203.319
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	841.723.319	754.520.000
Cộng - Xem thêm mục 4.4	4.879.907.849	3.287.287.145
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.300.000	30.300.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	6.300.000	30.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	613.726.160.769	431.234.681.527
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.617.027.739	1.247.068.872
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Trung	688.866.093	692.051.530
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	538.589.976	5.828.000
Cộng - Xem thêm mục 4.13	620.570.644.577	433.179.629.929
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB)	-	162.753.723
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)	162.753.723	-
Cộng - Xem thêm mục 4.15	162.753.723	162.753.723
Vay và nợ thuê tài chính		
Vay dài hạn	34.685.165.617	36.186.300.204
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.517.658.207	6.432.614.745
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	29.167.507.410	29.753.685.459
Cộng - Xem thêm mục 4.20	34.685.165.617	36.186.300.204

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Công ty Điện lực Phú Yên <i>Cung cấp dịch vụ quản lý vận hành</i>	570.447.618	570.447.616
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung_Tổng công ty Điện lực Miền Trung (CREB) <i>Nhượng bán vật tư</i>	-	5.712.120
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa <i>Bán điện</i>	389.314.092	388.357.362
<i>Cho thuê máy biến áp</i>	21.493.080	27.981.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Trung <i>Dịch vụ quản lý vận hành</i>	358.951.768	-
<i>Bán điện</i>	170.331.800	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	1.510.538.358	992.498.098

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
<i>Trả gốc vay</i>	1.072.094.409	1.024.638.780
<i>Trả lãi vay</i>	37.442.418	48.997.668
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Mua điện thương phẩm</i>	2.852.587.003.001	2.558.217.381.960
<i>Mua dịch vụ khác</i>	109.616.035	184.794.273
<i>Chia cổ tức</i>	16.140.434.000	18.896.118.000
<i>Trả gốc vay</i>	1.416.842.043	1.354.126.363
<i>Trả lãi vay</i>	829.988.817	1.069.707.917
Công ty Điện lực Phú Yên		
<i>Thuê tài sản</i>	40.767.920.874	41.609.494.195
Trung tâm Sản xuất Thiết bị Đo điện tử Điện lực Miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Mua vật tư</i>	7.046.847.900	1.183.244.600
<i>Mua dịch vụ kiểm định, sửa chữa</i>	406.601.616	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung		
<i>Dịch vụ kiểm định</i>	121.069.268	2.456.232.745
Công ty Tư vấn điện Miền Trung - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Dịch vụ Tư vấn</i>	571.388.194	860.560.657
Trường Cao đẳng Điện lực Miền Trung		
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	241.653.598	211.812.122
Ban QLDA Lưới điện miền Trung_Tổng công ty Điện lực miền Trung (NPMU)		
<i>Dịch vụ tư vấn khảo sát và lập BC KTKT</i>	-	164.763.641
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
<i>Mua dịch vụ khác</i>	473.585.433	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa		
<i>Mua vật tư</i>	493.298.127	1.585.891.640
<i>Nhận cổ tức</i>	604.500.000	-

Thù lao của các thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Đối tượng	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	34.776.000	59.616.000
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT	7.452.000	52.164.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	7.452.000	52.164.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	37.209.000	-
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	8.653.920	-
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	8.653.920	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	57.547.200	37.508.400
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	57.547.200	37.508.400
Ông Phan Công Bình	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)	-	6.980.040
Ông Lê Hải Thuyết	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 19/04/2023)	-	6.934.500
Cộng		219.291.240	252.875.340

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Đối tượng	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Ông Nguyễn Cao Kỳ	Chủ tịch HĐQT	645.891.242	449.721.101
Ông Nguyễn Hải Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	635.476.653	458.779.802
Ông Trần Văn Khoa	Thành viên HĐQT	17.811.222	26.678.000
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	17.811.222	26.678.000
Ông Đào Truyền	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025)	27.858.102	-
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	22.811.222	-
Ông Trần Văn Gia	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	2.222.222	-
Ông Nguyễn Chí Tân	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/04/2025)	2.222.222	-
	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2025)	493.555.571	435.471.735
Ông Đỗ Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	442.015.992	445.592.929
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/04/2025), Phó Tổng Giám đốc	461.710.712	442.831.975
Ông Nguyễn Đặng Thanh Lợi	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2025)	396.747.947	-
Bà Nguyễn Thị Vân	Trưởng ban kiểm soát	487.432.093	307.409.618
Bà Huỳnh Thị Kim Hoàng	Thành viên BKS	15.922.600	-
Ông Nguyễn Hữu Minh	Thành viên BKS	15.922.600	-
Cộng		3.685.411.622	2.593.163.160

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG*****Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê văn phòng, cho thuê máy biến áp theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê văn phòng có kỳ hạn từ 1 năm đến 7 năm, các hợp đồng cho thuê máy biến áp có kỳ hạn từ 1 tháng đến 1 năm.

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động trong kỳ	5.731.636.715	8.552.452.053
Tổng cộng	5.731.636.715	8.552.452.053

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản thuê hoạt động các tài sản với Công ty Điện lực Phú Yên theo các Nghị quyết số 74/NQ-HĐTV ngày 24/02/2020, Nghị quyết số 648/NQ-HĐTV ngày 01/10/2020, Nghị quyết số 973/NQ-HĐTV ngày 31/12/2021 về việc cho thuê tài sản các dự án điện do EVNCPC trực tiếp đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, các dự án đã thuê bao gồm:

Tài sản đi thuê	Nguyên giá tài sản đi thuê 1.000.000 VND
Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải ĐZ 110kV từ TBA 110kV Nha Trang Ninh Hòa	91.112
Tiểu dự án cải tạo lưới điện phân phối Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa thuộc dự án DEP, vay vốn WB	92.937
Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015 - 2020 (Dự án 2081 tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1,2 và 3)	68.335
TBA 110kV Trung tâm Nha Trang và đấu nối	172.992
Công trình đấu nối 110kV sau TBA 220kV Vân Phong	31.275
Nâng cao KN mạng tải ĐZ 110 kV Suối dầu Cam Ranh	80.547
Tài sản lưới điện đường sắt tỉnh Khánh Hòa	2.151
Mở rộng TTGS vận hành LĐ tại EVNCPC kết nối dữ liệu SCADA với 13 TTĐK tại các tỉnh miền Trung	248
Dự án TBA 110kV Lương Sơn và đấu nối	48.802
Dự án TBA 110kV Trung tâm Cam Ranh và đấu nối	38.936
Cải tạo và phát triển lưới điện Trung hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Khánh Hòa (KfW3.2)	39.725
Cộng	667.060

Thời hạn thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động là từ 5 đến 10 năm.

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	40.767.920.874	41.609.494.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.




Nguyễn Hải Đức
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 08 năm 2025

Phan Thị Thanh Lý
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Chi
Người lập

